



Ý thức bảo vệ môi trường (rừng, nguồn nước, động vật quý hiếm...) của các dân tộc bản địa ở Đắk Lắk được thể hiện thông qua phong tục tập quán và các điều khoản trong luật tục. Đây là nét văn hoá truyền thống mang đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng phản ánh những quy định ứng xử giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Trong bối cảnh bức bối của môi trường hiện nay thiết nghĩ chúng ta cần vận dụng nó trong sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hiện tại và tương lai.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA Ở ĐẮK LẮK

NGUYỄN HỮU TRÍ

Giám đốc Sở KH, CN&MT tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk nằm trên cao nguyên phía tây nam, có diện tích vào loại lớn nhất nước. Những năm đầu thập kỷ 90, diện tích tự nhiên 1953000 ha, rừng chiếm 1200000 ha, trong đó rừng gỗ khoảng 1000000 ha với nhiều loại gỗ quý và là địa bàn sinh sống của nhiều loại động vật quý hiếm. Đắk Lắk có môi trường sinh thái tự nhiên phong phú, đa dạng, thuận lợi để phát triển kinh tế-xã hội. Song, điều đáng buồn là môi trường ngày nay đang đứng trước nguy cơ bị phá huỷ nghiêm trọng. Theo thống kê từ năm 1978 đến 1992 mỗi năm trung bình mất 8 000 đến 10000 ha rừng. Hiện nay số lượng rừng bị mất hàng năm có ít hơn vì không còn nhiều rừng như trước nữa, và các biện pháp bảo vệ rừng được thực hiện chặt chẽ hơn, nhưng việc đốt phá rừng vẫn đang trong tình trạng báo động. Rừng bị tiêu huỷ có nghĩa là cân bằng sinh thái bị phá vỡ. Các nguồn nước-nguồn sống của con người cũng đang đứng trước nguy cơ bị cạn kiệt, các động vật quý hiếm mất môi trường sinh tự, lại bị con người săn bắn, hoặc đã không còn nữa, hoặc đã bỏ đi nơi khác. Đàn voi, nai, trâu rừng, bò rừng, công, trĩ, khỉ, vượn... đã giảm thiểu đáng kể, có loài đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Rừng bị huỷ hoại cũng làm đảo lộn cả khí hậu, thời tiết. Vụ cả phê năm 1998 ở Đắk Lắk bị thất thu nặng vì hạn kéo dài. Trên 40000 ha không đủ nước tưới, 11000 ha bị mất trắng, ước thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng. Có thể nói rằng, điều kiện sinh tồn quan trọng nhất của con người lại đang bị chính con người phá hoại.

Đắk Lắk vốn là địa bàn cư trú lâu đời của các dân tộc ít người, chủ yếu là các dân tộc người Êđê, M'ông, Giarai, trước khi người Việt từ nhiều nơi đến ngày một đông ở vùng này. Nhiều người cho rằng việc đốt rừng làm rẫy của các tộc ít người sở tại là một trong những nguyên nhân quan trọng gây nên sự cạn kiệt tài nguyên rừng. Điều đó cũng cần phải được suy xét nó đúng đến mức độ nào, ở thời điểm nào. Song khi đi sâu nghiên cứu về cuộc sống của đồng bào và nền văn hoá của họ, ai ai cũng phải thừa nhận rằng: *Đồng bào các dân tộc bản địa ở Đắk Lắk, rất có ý thức trong việc bảo vệ môi trường (BVMT). Từ*

ngàn xưa, mặc dù với trình độ phát triển còn thấp, con người ở đây đã hiểu ra rằng, họ chỉ có thể tồn tại cùng thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn, thậm chí là thần linh. Con người nếu «xúc phạm» thiên nhiên, nghĩa là «xúc phạm» tới thần linh, sẽ bị trừng phạt nặng nề.

Đó là một cách nghĩ đơn giản nhưng lại chứa đựng một chân lý cơ bản. Sự linh thiêng hoá thiên nhiên đã hàm chứa một tư duy biện chứng, duy vật về mối quan hệ giữa con người và môi trường. *Có thể coi sự ứng xử với thiên nhiên, với môi trường là hành động văn hoá nhân bản của những người dân tộc ít người bản địa ở Đắk Lắk.* Cách ứng xử đó không chỉ thể hiện trong những quan niệm chung chung mà nó được cụ thể hoá trong những văn bản bất thành văn bởi những luật tục truyền miệng, những quy định có tính "pháp chế" của một cộng đồng, do cộng đồng đặt ra và thi hành nó. Các quy định này đã được hình thành từ xa xưa, và lưu truyền từ đời này sang đời khác. Điều đó chứng tỏ các quy định đó rất phù hợp với quan niệm của cộng đồng, được cộng đồng thừa nhận và tuân thủ một cách tự nguyện. Việc thi hành các quy định của luật tục diễn ra dưới sự theo dõi và kiểm soát không chỉ của cộng đồng mà còn của các thần linh. Bởi thế, bất cứ thành viên nào của cộng đồng cũng đều tuân thủ các quy định này một cách nghiêm túc. Ý thức BVMT được thể hiện rất cụ thể trong các điều khoản *luật tục* về các mặt bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ các loài thú....:

1. Về tập quán bảo vệ rừng.

Việc bảo vệ rừng của người Êđê được cộng đồng rất quan tâm. Luật tục và phong tục bảo vệ rừng được thể hiện bằng những câu văn vần ví dụ:

Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi.

Đàn bà thường đốt lửa bậy bạ.

Có những người đốt lửa mà làm như kẻ

điếc, kẻ đui...

Vậy nếu người ta biết người đàn bà đó là ai.

Nếu người ta biết người đàn ông đó là ai. Người ta sẽ xử phạt họ thật nặng.

Nếu có của cải, người ta bắt họ phải bồi thường.

Người M'ông, tộc người được coi là cư dân đầu tiên có mặt trên địa bàn Đắk Lắk cũng có luật tục bảo vệ rừng rất nghiêm khắc. Từ ngàn xưa, cộng đồng M'ông đã lưu truyền các khoản quy định về tội làm cháy rừng như sau:

- Chòi bị cháy chỉ một người buồn.

Nhà bị cháy cả buồn phải buồn.

Rừng bị cháy mọi người đều buồn...

Rừng bị cháy ta phải giúp dập.

Nước chảy tràn ta phải giúp chặn...

Có lẽ khó có một lời kêu gọi cấm đốt rừng nào đầy đủ và có sức thuyết phục hơn! Bằng lối tư duy cụ thể, các dân tộc bản địa đã nhận thức được sự cần thiết của việc BVMT, đặc biệt là bảo vệ rừng đối với sự tồn tại của con người. Người ta đã hiểu lầm việc đốt rừng làm rẫy của đồng bào M'ông, Êđê là nguyên nhân chính gây nên sự phá rừng ở Đắk Lắk. Trên thực tế hoàn toàn không phải như vậy! Tập quán canh tác của người M'ông, Êđê gắn chặt với việc BVMT. Quá trình chọn rừng làm rẫy đã chứng tỏ rất rõ điều đó. Việc chọn rừng để mở rẫy thường do các già làng đảm nhiệm. Rừng được khai phá không được là rừng đầu nguồn, rừng nguyên sinh, rừng gỗ quý... Đồng bào cho là, những khu rừng đó có thần linh cư ngụ, ai xâm phạm tới sẽ bị thần linh trừng phạt, sẽ gây nên lũ lụt hoặc hạn hán.

Phương thức canh tác của đồng bào là luân khoảnh, nghĩa là những rẫy đã khai thác chừng 4-5 năm, nếu thấy bạc màu, sẽ được bỏ hoá trong vòng 8-10 năm. Trong khoảng thời gian đó, một lớp rừng non sẽ mọc trên

đất rẫy cũ, độ phì nhiêu tự nhiên của đất đã được phục hồi. Sau thời gian bỏ hoang hoá, rẫy cũ sẽ được chủ rẫy (hoặc con cháu họ) trở lại canh tác. Canh tác theo phương cách xen canh để bồi bổ cho đất và hạn chế cao nhất quá trình xói mòn rửa trôi đất. Việc đốt rừng làm rẫy, trên thực tế, chủ yếu là đốt rẫy cũ, với các loại rừng non, gỗ tạp, ít có giá trị kinh tế. Khi đốt rẫy, đồng bào cũng rất có ý thức bảo vệ những khu rừng xung quanh, bằng cách dọn sạch những cành khô, cỏ úa, tạo nên khoảng trống giữa rẫy của mình với các khu vực khác, tránh không để lửa đốt rẫy lan rộng, gây nên cháy rừng, bởi làm cháy rừng sẽ bị thần linh trừng phạt, cộng đồng xét xử.

2. Về việc bảo vệ nguồn nước.

Là những cư dân nông nghiệp, lại qua kinh nghiệm sống tích lũy được từ lâu đời, ý thức bảo vệ nguồn nước đã trở thành quy định bắt buộc của cộng đồng buôn làng. Ở người Ê Đê, Giarai *bến nước* hoặc *nguồn nước* được coi là hình ảnh tiêu biểu của buôn làng. Việc làm ô nhiễm nguồn nước gây nên những hậu quả nghiêm trọng, sẽ bị đưa ra xét xử và chịu những hình phạt rất nặng. Quan niệm của đồng bào là tại mỗi bến nước chung của làng, đều có một vị thần linh trú ngụ. Bến nước bị ứ đọng làm thần linh nổi giận gây ra dịch bệnh để trừng phạt dân làng. Bởi thế, hàng năm, dân làng phải làm lễ cúng bến nước. Trong lễ cúng đó, nghi thức quan trọng nhất là tất cả mọi người trong buôn làng tham gia quét dọn bến nước, làm cho bến nước trở nên sạch sẽ. Họ tin rằng, làm như vậy, các vị thần sẽ hài lòng, giúp cho dân làng được khỏe mạnh.

Trong luật tục của người M'Nông, đồng bào lại có những điều khoản liên quan đến việc bảo vệ nguồn nước ở một khía cạnh khác. Nguồn nước không chỉ liên quan đến việc cung cấp nước sinh hoạt cho con người mà còn cung cấp cá, tôm, cua, ốc làm thức ăn cho buôn làng. Việc thuốc cá (dùng các loại vỏ cây, rễ cây có chất làm say cá, giã ra hoà xuống suối, để cá bị say, nổi lên mà bắt), đã huỷ hoại môi trường sinh thái của dòng suối, nên bị cộng đồng nghiêm cấm: Ai thuốc cá, có tội với buôn làng; tội thuốc cá không ai đếm nổi.

Phải chăng từ xa xưa, việc đánh cá bằng thuốc làm cạn kiệt khả năng sinh tồn của cá tôm, làm huỷ hoại nguồn nước đã được đồng bào nhận thức được tác hại và lên án, trừng phạt. Đồng bào quan niệm rằng, những kẻ thuốc cá là những người vì lợi ích nhỏ bé trước mắt, đã phá hoại môi trường sống của

NINH BÌNH TIẾN TỚI THÀNH LẬP HỘI BẢO VỆ THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Ảnh: Đỗ Huy Bằng

trường Ninh Bình được thành lập theo quyết định số 1221/1999/QĐ-UB ngày 13/9/1999 của UBND tỉnh Ninh Bình. Ban chấp hành lâm thời gồm 11 vị, do ông Phan Như Xuyên, Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch, ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Phó giám đốc Sở KH, CN & MT là Phó chủ tịch thường trực.

Nhiệm vụ của Ban chấp hành là: Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, huy động, hợp tác với các tổ chức xã hội liên quan và vận động quần chúng trong công tác bảo vệ môi trường thiên nhiên Ninh Bình. Đồng thời chuẩn bị để tiến tới Đại hội Hội bảo vệ thiên nhiên môi trường lần thứ 1 vào thời gian thích hợp.

Nguyễn Ngọc Quỳnh
Sở KH, CN & MT Ninh Bình

Vừa qua tại trụ sở UBND tỉnh Ninh Bình, Sở khoa học, công nghệ và môi trường Ninh Bình đã làm lễ ra mắt Ban chấp hành lâm thời Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường tỉnh Ninh Bình.

Ban chấp hành lâm thời Hội bảo vệ thiên nhiên và môi

trường Ninh Bình được thành lập theo quyết định số 1221/1999/QĐ-UB ngày 13/9/1999 của UBND tỉnh Ninh Bình. Ban chấp hành lâm thời gồm 11 vị, do ông Phan Như Xuyên, Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch, ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Phó giám đốc Sở KH, CN & MT là Phó chủ tịch thường trực.

3. Về việc bảo vệ các loài thú quý hiếm.

Từ xa xưa, đồng bào các tộc người ít người ở Đắc Lắc đã có những quy định khắt khe để ngăn cản việc săn bắn các loài thú quý trong rừng như voi, hổ, báo, tê giác, trâu bò rừng... Ai vi phạm những quy định này sẽ phải đưa ra trước cộng đồng buôn làng để xét xử, phải cúng và bồi thường một khoản vật chất lớn. Mặc dù các loài thú quý hiếm trong rừng không phải là của ai, và săn bắn thú rừng cung cấp thịt cho bữa ăn hàng ngày là một hình thức kinh tế giữ vai trò khá quan trọng trong đời sống của đồng bào, song việc bảo vệ những loài thú quý hiếm đã được đồng bào thực hiện từ lâu đời. Điều đó được thể hiện trong nền văn hoá truyền thống của họ. Luật tục sẽ xét xử những người đó vì cho rằng đó là những con vật được thần linh nuôi dưỡng. Ai bắn những con vật đó sẽ bị thần linh trừng phạt, làm cho ốm đau, thậm chí vợ con bị chết (!), bởi vậy phải lễ cúng tạ rất tốn kém. Rõ ràng rằng những quy định này, mặc dù dựa trên những cách giải thích siêu hình,

thần bí, nhưng đã góp phần rất lớn trong việc hạn chế sự săn bắn các loài thú quý hiếm.

Có thể nói rằng, đó thật sự là "pháp lệnh" về việc cấm săn bắn các loài thú quý hiếm ra đời vào loại sớm nhất trên thế giới. Điều đáng chú ý là "pháp lệnh" này lại được tạo ra do chính những người còn đang phải sống dựa vào rừng, và coi *săn bắn hái lượm* là một phương thức kinh tế quan trọng để tồn tại. Ở người M'Nông có tục săn bắt voi rừng. Song, đó là việc săn bắt những con voi con để thuần dưỡng chúng trở thành voi nhà chứ không săn giết voi. Đồng bào Ê Đê, M'Nông, Giarai không chỉ coi voi nhà là một tài sản lớn mà còn coi chúng là người thân trong gia đình. Voi ốm, chủ voi phải làm lễ cúng cho voi khỏi bệnh. Voi chờ nặng, kiệt sức, chủ voi phải làm lễ xin lỗi voi vì đã bắt voi làm quá sức. Chủ voi còn làm lễ cưới cho voi. Khi voi chết, chủ voi phải làm tang lễ, làm nhà ma và làm lễ bỏ mả như đối với người. Xem thế đủ thấy các tộc người ở Đắc Lắc yêu quý voi đến nhường nào. Những người săn bắn,

(Xem tiếp trang 46)

và tính chất dân tộc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh: "Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân", Ông đã tích cực chỉ đạo và tạo mọi điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển và thấm sâu vào đời sống và hoạt động xã hội trong mọi tầng lớp nhân dân, bước đầu đã kết hợp hài hòa mối quan hệ hữu cơ giữa các hoạt động văn hóa do Nhà nước tổ chức với các hoạt động văn hóa cơ sở. Ông nhận định: "Đứng về giác độ kinh tế, để tạo nên một đời sống văn hóa phong phú rộng khắp, cách làm kinh tế nhất vẫn là hướng một phần việc đầu tư cán bộ và kinh phí vào việc thúc đẩy sự nghiệp văn hóa quần chúng, củng cố và phát triển nó, làm cho chất lượng không ngừng được nâng cao". Những nhận định sắc bén của Ông trong lĩnh vực văn hóa đã trở thành "kim chỉ nam" cho toàn ngành văn hóa triển khai thực hiện. Ông rất chú trọng việc xây dựng con người XHCN, xây dựng đời sống văn hóa mới, xác định đó là nhiệm vụ trung tâm, là mục tiêu phấn đấu hàng đầu của các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Ông chỉ rõ: "Ngành VH TT phải đóng góp một phần quan trọng vào việc xây dựng con người mới, con người XHCN, sản sinh từ chế độ XHCN, được rèn luyện và lớn lên trong quá trình cách mạng chống thực dân Pháp, chống Mỹ cứu nước, cải tạo XHCN và xây dựng chủ nghĩa xã hội". Nhờ tinh thần chỉ đạo đó mà các hoạt động văn

hóa, văn nghệ đã hướng vào việc tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, bồi dưỡng tư tưởng và tình cảm cách mạng trong sáng cho các thế hệ công dân Việt Nam trong chiến đấu, học tập, lao động sản xuất, xây dựng nên những giá trị nhân cách tiêu biểu trong các giai đoạn cách mạng. Ông cho rằng quan điểm văn hóa phải gắn với hiện thực xã hội, đáp ứng các nhu cầu của quá trình chiến đấu, học tập, sản xuất của nhân dân và khẳng định thể chế văn hóa và các hoạt động văn hóa chỉ tồn tại một khi nó đáp ứng các nhu cầu bức xúc này. Ông kiên quyết phê phán những tư tưởng xa rời cuộc sống hiện thực của một bộ phận trong đội ngũ cán bộ văn hóa, giới văn nghệ sĩ lúc đó. Dưới sự chỉ đạo của Ông, nhiều làng bản văn hóa đã được tổ chức, nhiều cửa hàng sách và thư viện khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất đã được thành lập, nhiều tác phẩm văn học mang tính Đảng, tính dân tộc và tính nhân văn sâu sắc được phổ biến ở các vùng căn cứ kháng chiến, nông thôn cũng như ở đô thị... Ngành văn hóa thời kỳ này đã thực sự trở thành lực lượng nòng cốt của cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa.

Hơn 20 năm ở cương vị Bộ trưởng, Ông đã có mặt trên khắp mọi miền đất nước, gặp gỡ, lắng nghe nguyện vọng, tâm tư tình cảm của nhân dân để kịp thời có những quyết sách đúng đắn và phù hợp với thực tiễn. Ông đã khuyến khích, động viên và tạo mọi điều kiện cho giới văn nghệ sĩ sáng tác được

nhiều tác phẩm có chất lượng tư tưởng và nghệ thuật cao. Nhiều tác phẩm có giá trị trong thời kỳ này đã góp phần cổ vũ, tuyên truyền, giáo dục sâu sắc chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Giáo sư Hoàng Minh Giám là một tấm gương tận tụy vì dân tộc, vì sự nghiệp văn hóa của đất nước. Suốt cả cuộc đời, Ông luôn rèn luyện trau dồi đạo đức cách mạng theo các chuẩn mực: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, mình vì mọi người... Bạn bè quốc tế biết đến diện mạo văn hóa Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ một phần qua con người Hoàng Minh Giám. Ông không những là một nhà giáo ưu tú của đất nước mà còn là một nhà lãnh đạo văn hóa tiêu biểu của chúng ta.

Ngày 4/11/1999, Bộ VH TT đã tổ chức lễ tưởng niệm 95 năm ngày sinh của cố Bộ trưởng Hoàng Minh Giám (4/11/1904 - 4/11/1999) nhằm ôn lại cuộc đời và sự nghiệp hoạt động văn hóa của Ông. Tại lễ tưởng niệm, nhiều học sinh cũ của Trường trung học tư thực Thăng Long đã kể lại những kỷ niệm và lòng biết ơn sâu sắc về người thầy tài đức của mình, nguyện quyết tâm học tập và làm tốt những gì có thể làm được để xứng đáng là học trò của Thầy, của Trường trung học tư thực Thăng Long danh tiếng.

Bài: Nguyễn Thị Hương Giang
Tạp chí Hoạt động khoa học

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG...

(Tiếp theo trang 36)

giết hại các loài vật quý hiếm một cách bừa bãi như hiện nay, chính là đã vi phạm những luật tục truyền thống của đồng bào đã được hình thành từ ngàn xưa.

4. Về việc ngăn chặn sự lây lan dịch bệnh.

Bảo vệ môi trường cũng đồng nghĩa với việc ngăn chặn lây lan dịch bệnh. Sống trong một xã hội trình độ dân trí còn thấp, điều kiện vệ sinh còn thấp kém, việc phát sinh các dịch bệnh luôn đe dọa sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Bởi thế, luật tục đã xếp việc làm lây lan dịch bệnh người và gia súc vào những trọng tội và quy định những hình thức trừng phạt nặng đối với loại "tội phạm" này. Luật tục quy định kẻ làm lây bệnh truyền nhiễm cho người khác sẽ phải đền bù thiệt hại do họ gây ra. Không chỉ quy định tội làm lây lan dịch bệnh chung chung, đồng bào còn phân biệt những dịch lớn, dịch nhỏ, bệnh nặng, bệnh nhẹ như bệnh ghẻ lở, dịch bệnh đậu mùa, dịch bệnh lây lan trong buôn làng và lây lan sang các cộng đồng buôn làng khác. Việc làm lây lan dịch bệnh trong đàn gia súc cũng bị coi là một vi phạm luật tục và bị cộng đồng xét xử nghiêm khắc. Luật tục của người

Êđê nêu rất cụ thể các biện pháp cách li để đề phòng sự lây lan dịch bệnh trong đàn gia súc và quy định mức độ phạm tội của những kẻ vi phạm.

*

* *

Văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, về căn bản là văn hoá ứng xử giữa con người với môi trường tự nhiên, xã hội. Trong nền văn hoá đó, những quy định về sự ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên đã dựa trên những nền tảng nhận thức khoa học và mang tính duy vật sâu sắc, do vậy, nó mang những ý nghĩa đương đại. Việc bảo vệ và phục hồi môi trường có ý nghĩa sống còn đối với cộng đồng. Xâm hại tự nhiên và huỷ hoại môi trường bị coi là trọng tội, là sự vi phạm tới quyền lợi của các thành viên khác trong cộng đồng nên bị cộng đồng lên án và trừng phạt. Cơ chế kiểm soát những hành vi của mỗi thành viên của cộng đồng trong việc bảo vệ, giữ gìn môi trường đã được hình thành từ lâu trong nền văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk và được lưu truyền cho đến tận ngày nay. Cơ chế đó trong giai đoạn hiện nay vẫn có thể hoạt động có hiệu quả nếu chúng ta biết đầu tư nghiên cứu và vận dụng nó một cách thích đáng.

Biên tập Nguyễn Công Mai